

Bản án số: 62/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 04-8-2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Chiến
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 249/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 24/7/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Đỗ Minh T**, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Anh Đặng Văn V**, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T có mặt, anh V vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/6/2020, bản tự khai cũng như tại phiên tòa chị Đỗ Minh T trình bày:

Chị và anh Đặng Văn V do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện C (nay là huyện M), tỉnh Bến Tre vào ngày 21/5/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Đăng V Trường, sinh năm 2000. Đến năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V thường xuyên rượu chè, đánh đập chị nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng và đã

ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh Đặng Văn V.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết

Về nợ chung: Không có

Anh Đặng Văn V vắng mặt tại Tòa nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2020 của chị Đỗ Minh T đối với anh Đặng Văn V thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Đoàn Văn V có nơi cư trú tại xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như thông báo hòa giải cho anh V đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng anh V vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh V đến để tham gia phiên tòa nhưng anh V vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh V là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Đỗ Minh T và anh Đặng Văn V tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2001 tại UBND xã Đa Phước Hội, huyện Mỏ Cày (nay là huyện Mỏ Cày Nam), tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ sau khi Tòa thụ lý hồ sơ vụ án đã ra thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải cho anh V biết để chị đến Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia hoà giải với chị T nhằm tìm biện pháp tích cực để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng anh V vẫn cố tình không đến, điều đó chứng tỏ anh V cũng không có

thiện chí đoàn tụ với chị T. Nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân – Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh V là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị Đỗ Minh T và anh Đặng Văn V có 01 con chung tên Đặng Vũ T1, sinh năm 2000 đã trưởng thành và chị T, anh V cũng không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: Chị T và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết, nếu các bên không tự thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

2.4 Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Đỗ Minh T phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 điểm, khoản 1 Điều 227 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Minh T đối với anh Đặng Văn V, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Đỗ Minh T và anh Đặng Văn V được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Đặng V Trường, sinh năm 2000 đã trưởng thành và chị T, anh V cũng không có yêu cầu nào khác nên không xem xét giải quyết

3 Về tài sản chung: chị T và anh V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Đỗ Minh T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000897 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã Đa Phước Hội (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm